

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày: 18/8/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Anh.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*  
Ông Bùi Văn Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

**La O K** (*Tên gọi khác: Ma Muộn*) - Sinh năm: 1978 tại huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: La Lan C - sinh năm: 1956 và bà: NLQ27 - sinh năm: 1958; Vợ: La Lan Thị M - Sinh năm 1982; Bị cáo có 02 con sinh năm 2002 và năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 28/12/2022. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* Người bào chữa cho bị cáo La O K (Do trung tâm TGPL cử) – Ông Nguyễn

Ninh – Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

\* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã X, huyện D. Người đại diện: Ông Nguyễn Quang Quyền – Chủ tịch UBND xã X. Ông Quyền ủy quyền cho ông Nguyễn Duy Luân – Phó chủ tịch xã X. Ông Luân có mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1 - Sinh năm: 2004 (có mặt tại phiên tòa); NLQ2 - Sinh năm: 1995 (có mặt tại phiên tòa); NLQ3 - Sinh năm: 1993 (có mặt tại phiên tòa); NLQ4 - Sinh năm: 1982; NLQ5 - Sinh năm: 1992; NLQ6 - Sinh năm: 1999; NLQ7 - Sinh năm: 1966; NLQ8 - Sinh năm: 1963; NLQ9 - Sinh năm: 1987; NLQ10 - Sinh năm: 1970; NLQ11 - Sinh năm: 1974; NLQ12 - Sinh năm: 1983; NLQ13 - Sinh năm: 1997; NLQ14 - Sinh năm: 2004; NLQ15 - Sinh năm: 2004; NLQ16 - Sinh năm: 2003; NLQ17 - Sinh năm: 2001; NLQ18 - Sinh năm: 1996; NLQ19 - Sinh năm: 1978; NLQ20 - Sinh năm: 1985; NLQ21 - Sinh năm: 1983; NLQ22 - Sinh năm: 1993; NLQ23 - Sinh năm: 1983; NLQ24 - Sinh năm: 1980; NLQ25 - Sinh năm: 1967; NLQ26 - Sinh năm: 1975; NLQ27 - Sinh năm: 1958 (có mặt tại phiên tòa); NLQ28 - Sinh năm: 1963.

Tất cả trú tại: Thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- NLQ29 - Sinh năm: 1975; trú tại: Thôn K, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- NLQ30 - Sinh năm: 1997; trú tại: Thôn T, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- NLQ31 - Sinh năm: 1967; trú tại: Thôn T, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- NLQ32 - Sinh năm: 2006;

- NLQ33 - Sinh năm: 1996;

- NLQ34 - Sinh năm: 1961;

- NLQ35 - Sinh năm: 1973;

Tất cả trú tại: Thôn G, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên. Tất cả vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích lấy đất để trồng keo nên vào ngày 07/02/2022, La O K trực tiếp thuê 34 nhân công gồm: NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17, NLQ18, NLQ19, NLQ20, NLQ21, NLQ22, NLQ23, NLQ24, NLQ25, NLQ26, NLQ27, NLQ28, cùng trú tại thôn P, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; NLQ29, trú tại thôn K, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên; NLQ30, NLQ31, cùng trú tại thôn T, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên; NLQ32, sinh ngày 16/6/2006, NLQ33, NLQ34, NLQ35, cùng trú tại thôn G, xã P, huyện D, tỉnh Phú Yên đi phát rừng cho K với giá 200.000 đồng/1 người/1 ngày, riêng đối với nhân công dùng máy cưa cắt K trả 250.000 đồng/1 người/1 ngày. Khi thuê nhân công, K nói nguồn gốc rừng là do ông bà của K để lại, giờ thuê phát dọn để lấy đất sản xuất theo tập tục nên tất cả đều đồng ý. Sau đó, K gọi NLQ1, sinh ngày 16/4/2004 (là con ruột K) cùng tham gia phát rừng với K và 34 nhân công đã thuê. Trong các ngày 07-08/02/2022, K dẫn NLQ1, NLQ5, NLQ20 đi đến khu vực rừng thuộc khoảnh 7, tiểu khu 115 xã X, huyện D (rừng do UBND xã X quản lý) dùng rựa tiến hành phát dọn bìa ranh bao quanh khu rừng. Đến sáng ngày 09/02/2022, K, NLQ1 cùng với 34 nhân công mang theo rựa, máy cưa xăng và đồ dùng cá nhân đến khu vực rừng nêu trên dựng trại để ở đợi ngày hôm sau đi phát rừng. Từ ngày 10/02/2022 đến sáng ngày 13/02/2022, K, NLQ1 cùng với 34 nhân công sử dụng rựa chặt hạ cây rừng theo hình thức phát trắng, riêng NLQ5 sử dụng máy cưa xăng để cắt hạ những cây rừng có kích thước lớn. K là người trực tiếp chỉ dẫn nhân công vị trí rừng, theo dõi, ghi chép sổ sách và chấm công hàng ngày. Trong lúc K, NLQ1 và 34 nhân công đang chặt phát rừng thì bị lực lượng Kiểm lâm huyện D và UBND xã X, huyện D kiểm tra, phát hiện, lập biên bản.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 234/KLGD-CCKL ngày 11/3/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Rừng bị chặt phá thuộc khoảnh 7, tiểu khu 115 xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên với diện tích là 18.800 m<sup>2</sup> (1,88 ha), hiện trạng rừng tự nhiên nghèo kiệt, quy hoạch chức năng rừng phòng hộ (phê duyệt tại Quyết định 2570/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên).

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐGTTTHS ngày 07/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện D kết luận: Giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ phá rừng là 55.823.879 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSĐX ngày 25/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo La O K về tội: "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 BLHS.

- Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Kết luận bị cáo La O K phạm tội: "*Hủy hoại rừng*". Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 28/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã X, huyện D số tiền 55.823.879 đồng, bị cáo đã bồi thường đầy đủ. Ủy ban nhân dân xã X được nhận số tiền 55.823.879 đồng (*Năm mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm bảy mươi chín đồng*) tại ủy nhiệm chi số 05 ngày 09/6/2023 của Công an huyện Đồng Xuân gửi vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và biên lai thu tiền số 0000325 ngày 02/6/2023 mà bị cáo đã bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật để xử lý theo thẩm quyền.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa, 02 chai nhựa và 20 cái rựa; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay; Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không tranh luận, bào chữa về hành vi của mình; bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất về mặt tội danh cũng như về điều luật, các tình tiết giảm nhẹ TNHS như Kiểm sát viên đã nêu. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị HĐXX xét đến nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội vì bị cáo là

đồng bào dân tộc thiểu số nên có suy nghĩ phát rừng làm nương, lại thiếu hiểu biết pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, có nhân thân tốt nên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật. Về phần hình phạt: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt khai đúng như Cáo trạng đã mô tả, không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, 293 BLTTHS.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/02/2022 đến sáng ngày 13/02/2022 tại khoảnh 7, tiểu khu 115 xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên, La O K đã có hành vi thuê 34 nhân công gồm: NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17, NLQ18, NLQ19, NLQ20, NLQ21, NLQ22, NLQ23, NLQ24, NLQ25, NLQ26, NLQ27, NLQ28, NLQ29, NLQ30, NLQ31, NLQ32, NLQ33, NLQ34, NLQ35 cùng với NLQ1 (con ruột K) chặt, phá rừng phòng hộ với diện tích 18.800 m<sup>2</sup> (1,88 ha), gây thiệt

hại 55.823.879 đồng, nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân truy tố bị cáo La O K về tội “*Hủy hoại rừng*” – theo điểm c khoản 3 Điều 243 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài nguyên rừng và chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái, có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống chung của xã hội. Bản thân bị cáo biết là rừng tự nhiên được Nhà nước quản lý, không được chặt phá nhưng vì muốn chiếm đất trồng lúa, trồng keo nên đã thuê nhiều nhân công chặt phá rừng tự nhiên có chức năng phòng hộ, nên đối với bị cáo cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS đối với bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung liên kề cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp. Đối với lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng, thuê nhân công với số lượng lớn để phát dọn rừng tự nhiên, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung, bị cáo đã được áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS và không có căn cứ áp dụng 2 Điều 54 BLHS nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

- Đối với NLQ1: Có hành vi cùng với bị can La O K và 34 nhân công trực tiếp dùng rựa chặt phá rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ với diện tích rừng là 18.800 m<sup>2</sup>, hành vi của NLQ1 có dấu hiệu của tội Hủy hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, NLQ1 là người chưa thành niên (17 tuổi 9 tháng 21 ngày), khả năng nhận thức về hành vi của mình chưa đầy đủ, bản thân NLQ1 là con ruột, sống chung hộ và từ nhỏ đến lớn đều được bị can La O K nuôi dưỡng, giáo dục. Trước khi đi phát rừng, NLQ1 được bị can K cho biết khu vực rừng tại tiểu khu 115 là đất do ông bà của mình để lại nên bản thân NLQ1

không nhận thức được khu vực trên là rừng do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Hơn nữa, NLQ1 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn, chỉ thực hiện theo yêu cầu của cha ruột mình nên xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi NLQ1 là không đáng kể. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ1 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với 33 nhân công gồm: NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17, NLQ18, NLQ19, NLQ20, NLQ21, NLQ22, NLQ23, NLQ24, NLQ25, NLQ26, NLQ27, NLQ28, NLQ29, NLQ30, NLQ31, NLQ33, NLQ34, NLQ35: Có hành vi cùng với bị can La O K và NLQ1 sử dụng rựa và máy cưa xăng chặt phá, cắt hạ cây rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ với tổng diện tích rừng là 18.800 m<sup>2</sup>, hành vi của 33 nhân công này có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, 33 nhân công này đa số là đồng bào dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, sống trên vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Khi đi phát rừng đều nhận thức khu rừng trên là của ông bà bị can K để lại nên chặt phá rừng theo tập tục lạc hậu. Trong vụ án, các nhân công không có bàn bạc, hưởng lợi gì trong việc phá rừng lấy đất, chỉ thực hiện theo sự chỉ dẫn của bị can K nên xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi của 33 nhân công trên là không đáng kể. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với 33 nhân công nêu trên mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với NLQ32: Có hành vi tham gia chặt phá rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ với tổng diện tích là 18.800 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tính đến thời điểm thực hiện hành vi Nguyễn chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 7 tháng 24 ngày) nên không xem xét, xử lý.

- Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 7, tiểu khu 115 xã X, huyện D: Đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ được giao, kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi phá rừng của La O K, NLQ1 và 34 nhân công nên không xem xét, xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho UBND xã X, huyện D số tiền 55.823.879đ. Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền còn lại là 50.823.879đ. Ủy ban nhân dân xã X được nhận số tiền 55.823.879 đồng (*Năm mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm bảy mươi chín đồng*) tại ủy nhiệm chi số 05 ngày 09/6/2023 của Công an huyện Đồng Xuân gửi vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và biên lai thu tiền số 0000325 ngày 02/6/2023 mà bị cáo đã bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật để xử lý theo thẩm quyền.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 can nhựa, 02 chai nhựa và 20 cái rựa là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội và vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy; 01 máy cưa xăng cầm tay bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo và không dùng vào việc phạm tội nên xét trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên xét miễn án phí HSST đối với bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo La O K phạm tội: "*Hủy hoại rừng*".

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS. Xử phạt: Bị cáo La O K 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 28/12/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho UBND xã P, huyện D số tiền số tiền 55.823.879 đồng, bị cáo đã bồi thường đầy đủ. Ủy ban nhân dân xã X được nhận số tiền 55.823.879 đồng (*Năm mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm bảy mươi chín đồng*) tại ủy nhiệm chi số 05 ngày 09/6/2023 của Công an huyện Đồng Xuân gửi vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D và biên lai



thu tiền số 0000325 ngày 02/6/2023 mà bị cáo đã bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D khi bản án có hiệu lực pháp luật để xử lý theo thẩm quyền.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa, 02 chai nhựa và 20 cái rựa; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 máy cưa xăng cầm tay; Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (*Các vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân và Chi cục THADS huyện D*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo La O K được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (Phòng Kt-nv);
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Vĩnh Long**